

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THẠCH THÀNH
TỈNH THANH HÓA**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 38/2017/HNGĐ - ST

Ngày 13 - 12 - 2017

V/v: Ly hôn, tranh chấp nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THẠCH THÀNH, TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Đào Anh Đức

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Quách Hà Vĩnh
2. Ông Đặng Văn Thuận

- Thư ký phiên toà: Ông Trần Văn Hùng - Thư ký Tòa án, TAND huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa.

Ngày 13/12/2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thạch Thành xét xử công khai vụ án thụ lý số: 163/2017/TLST- HNGĐ ngày 02/10/2017 về việc: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 46/2017/QĐXXST- HNGĐ ngày 15/11/2017 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Trương Thị D; sinh năm: 1989

Địa chỉ: Thôn Vân Tiến, xã Thành Mỹ, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa.

- Bị đơn: Anh Trương Văn T; sinh năm: 1987

Địa chỉ: Thôn Vân Tiến, xã Thành Mỹ, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa.

Tại phiên toà có mặt chị D vắng mặt anh T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 29/8/2017, trong bản tự khai ngày 19/10/2017, chị D trình bày:

- Về hôn nhân: Chị và anh Trương Văn T kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 10/10/2013 tại Ủy ban nhân dân (Sau đây được viết là UBND) xã Thành Mỹ, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa.

Sau ngày cưới, vợ chồng hòa thuận được hai năm thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình vợ chồng không hòa hợp, luân bất đồng quan điểm, nên thường xuyên cãi cọ và xúc phạm nhau. Cuộc sống khiến chị mệt mỏi nên chị đã về nhà bố mẹ đẻ ở từ tháng 11 năm 2016 đến nay và vợ chồng ly thân từ đó, không còn quan tâm gì đến nhau nữa.

Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh T.

- Về con cái: Vợ chồng có một con chung là cháu Trương Thành L, sinh ngày 17/6/2014, hiện nay cháu L đang ở với chị D. Ly hôn, chị yêu cầu được trực tiếp nuôi con. Tại phiên tòa, chị yêu cầu anh T phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị mỗi tháng 500.000đ cho đến khi cháu L đủ 18 tuổi .

- Về tài sản: Vợ chồng không có tài sản chung, chị D không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai đề ngày 19/10/2017, anh T trình bày:

- Về hôn nhân: Anh và chị Trương Thị D kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 10/10/2013 tại UBND xã Thành Mỹ, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa.

Sau ngày cưới, vợ chồng hòa thuận được hai năm thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tình tình vợ chồng không hòa hợp, không hiểu và thông cảm cho nhau nên thường xảy ra bất hòa. Chị D đã về nhà bố mẹ đẻ ở từ tháng 11 năm 2016 đến nay và vợ chồng ly thân từ đó, không quan tâm gì đến nhau nữa.

Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn nên anh cũng đồng ý ly hôn chị D.

- Về con cái: Vợ chồng tôi có một con chung là cháu Trương Thành L, sinh ngày 17/6/2014. Ly hôn, anh yêu cầu được trực tiếp nuôi con và không yêu cầu chị D phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh.

- Về tài sản : Vợ chồng không có tài sản chung, anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (Sau đây được viết là HĐXX) nhận định:

[1] Về tố tụng: Tòa án đã triệu tập hợp lệ anh T đến phiên hoà giải hai lần nhưng anh T đều không đến để tham gia hoà giải nên Toà án không tiến hành hoà giải được. Đây là trường hợp không tiến hành hoà giải được theo quy định tại khoản 1 Điều 207 Bộ luật tố tụng dân sự (Sau đây được viết là BLTTDS). Toà án cũng đã triệu tập hợp lệ anh T đến lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng anh T vẫn không có mặt, nên căn cứ quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 BLTTDS, Toà án xét xử vắng mặt anh T.

[2] Về hôn nhân: Anh Trương Văn T và chị Trương Thị D kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 10/10/2013 tại UBND xã Thành Mỹ, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa và không vi phạm các điều cấm của Luật hôn nhân gia đình, như vậy là hôn nhân hợp pháp. Sau ngày cưới, vợ chồng hòa thuận được hai năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tình tình vợ chồng không hòa hợp, không hiểu và thông cảm cho nhau nên thường xuyên xảy ra bất hòa. Chị D đã về nhà bố mẹ đẻ ở từ tháng 11 năm 2016 đến nay và vợ chồng ly thân từ đó, không quan tâm gì đến nhau

nữa. Việc này cả chị D và anh T đều thừa nhận và cũng đã được các cấp chính quyền xã Thành Mỹ xác nhận. Nay cả chị D và anh T đều yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống chung không thể kéo dài, nghĩ nên căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, xử cho chị D được ly hôn anh T.

[3] Về con cái: Vợ chồng có một con chung là cháu Trương Thành L, sinh ngày 17/6/2014. Ly hôn, chị D yêu cầu được trực tiếp nuôi con và yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị mỗi tháng 500.000đ cho đến khi cháu L đủ 18 tuổi. Anh T cũng yêu cầu được trực tiếp nuôi con và không yêu cầu chị D phải cấp dưỡng nuôi con chung. Xét thấy, hiện nay cháu L đang còn nhỏ, rất cần sự chăm sóc của người mẹ. Mặt khác, kể từ khi chị D và anh T ly thân cho đến nay thì cháu L vẫn ở với mẹ. Vì vậy, nếu cháu L ở với mẹ sẽ tốt hơn cho sự phát triển của cháu. Anh T là bố phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung. Nghĩ nên chấp nhận yêu cầu của chị D, giao cháu L cho chị D trực tiếp nuôi dưỡng, anh T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị D.

[4] Về tài sản: Chị D và anh T không yêu cầu giải quyết nên miễn xét.

[5] Về án phí: Chị D phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 56, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 147 BLTTDS; Điều 6; khoản 1 Điều 24; điểm a, khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

1. Về hôn nhân: Xử cho chị Trương Thị D được ly hôn anh Trương Văn T.

2. Về con cái: Giao con chung là cháu Trương Thành L, sinh ngày 17/6/2014 cho chị D trực tiếp nuôi dưỡng, anh T cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị D mỗi tháng 500.000đ (Năm trăm nghìn đồng). Thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 12 năm 2017 cho đến khi cháu L đủ 18 tuổi. Anh T có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

Kể từ khi chị D có đơn yêu cầu thi hành án, nếu chưa thi hành án khoản tiền cấp dưỡng nuôi con thì hàng tháng anh T còn phải chịu thêm khoản tiền lãi theo quy định tại Điều 357; khoản 2 Điều 468 BLDS trên số tiền phải thi hành án, tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

3. Về án phí: Chị Trương Thị D chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn, nhưng được trừ vào số tiền chị D đã nộp tạm ứng tại Chi cục Thi hành án dân sự Thạch Thành, theo biên lai số: AA/2015/0002101 ngày 26/9/2017. Chị D đã nộp đủ tiền án phí. Anh Trương Văn T chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về cấp dưỡng nuôi con.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm, có mặt chị D vắng mặt anh T. Chị D có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh T có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Thạch Thành;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đào Anh Đức

